

Số: 623/NHCS-TDNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2014

V/v cho vay vốn đối với hộ nghèo trên
địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định
số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của
Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: ~~Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh:~~ Hà Giang, Cao Bằng,
Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Kạn, Bắc Giang, Sơn La, Lai Châu,
Điện Biên, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam,
Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Kon Tum

Ngày 12/3/2014, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nhận được công văn số 533/NHNN-TD ngày 23/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước về việc mức hỗ trợ vay vốn theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ. Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn chi nhánh NHCSXH các tỉnh thực hiện như sau:

1. Triển khai thực hiện cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo nội dung quy định tại Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, cụ thể:

a) Hộ nghèo trên các địa bàn huyện nghèo được vay vốn ưu đãi lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo (hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 0,65%/tháng) với mức cho vay tối đa là 10 triệu đồng/hộ khi vay vốn NHCSXH để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Thời gian được hỗ trợ lãi suất tối đa là 03 năm; việc cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định này được thực hiện đối với các khoản vay phát sinh kể từ ngày 01/01/2014.

- Trường hợp người vay đã vay vốn chương trình hộ nghèo (kể cả trường hợp người vay đã vay đến mức tối đa 30 triệu đồng) nếu có nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề thì tiếp tục được vay thêm tối đa 10 triệu đồng, với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong thời gian tối đa là 3 năm.

- Trường hợp hộ nghèo có nhu cầu vay vốn trên 10 triệu đồng và thời gian vay vốn trên 03 năm thì số tiền vay trên 10 triệu đồng và thời hạn vay vốn trên 3 năm được áp dụng lãi suất cho vay hộ nghèo và các quy định về cho vay hộ nghèo hiện hành.

b) Về quy trình, thủ tục cho vay: Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.

c) Chế độ báo cáo thống kê và chi trả phí dịch vụ ủy thác, hoa hồng

Chi nhánh báo cáo kết quả cho vay và thực hiện chi trả phí dịch vụ ủy thác, hoa hồng đối với việc cho vay hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ đối với hộ nghèo tại các huyện nghèo theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH tại công văn số 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009.

2. Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, huyện báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp để chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, chính quyền địa phương phối hợp với NHCSXH tiếp tục triển khai thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các quy định nêu tại văn bản số 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại huyện nghèo trái với văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

Nhận được văn bản này, yêu cầu chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Hội sở chính NHCSXH (qua Ban Tín dụng người nghèo) để xem xét, giải quyết./.

(Gửi kèm Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ngân hàng Nhà nước (để b/c);
- HLH Phụ nữ VN;
- Hội Nông dân VN;
- Hội CCB VN;
- TW ĐTN CS HCM;
- Tổng Giám đốc, Trưởng BKS NHCSXH;
- Các PTGD, Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- SGD, TTĐT, TT CNTT;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2621/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 5 ... Ngày: ... 03/01 ...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo như sau:

1. Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông lâm kết hợp

a) Hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên (có trữ lượng giàu, trung bình nhưng đóng cửa rừng) được hưởng mức khoán bằng 1,5 lần mức khoán quy định tại Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020;

b) Những diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch rừng phòng hộ đã giao ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nêu tự nguyện tham gia trồng rừng được hỗ trợ tối đa bằng mức quy định tại Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, để trồng rừng, chăm sóc rừng trồng các năm tiếp theo và được hưởng lợi từ rừng theo quy định hiện hành. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

c) Hỗ trợ một lần hộ gia đình được giao đất trồng rừng sản xuất từ 05 - 10 triệu đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

2. Hỗ trợ khai hoang, phục hoá hoặc tạo ruộng bậc thang để sản xuất nông nghiệp theo mức: 15 triệu đồng/ha khai hoang, 10 triệu đồng/ha phục hoá, 15 triệu đồng/ha cải tạo thành ruộng bậc thang.

3. Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch

Hộ nông dân tham gia dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy hoạch sản xuất được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ một lần tiền mua giống và hỗ trợ ba năm tiền mua phân bón để chuyển từ trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm (chè, cà phê, ca cao, hồ tiêu, điều, cao su, cây ăn quả...); cây nguyên liệu sinh học;

b) Hỗ trợ tiền mua giống và phân bón cho ba vụ sản xuất liên tiếp để chuyển đổi cơ cấu giống đối với cây ngắn ngày, bao gồm: Cây lương thực, cây thực phẩm, cây hoa các loại;

c) Hỗ trợ từ một đến hai lần tiền mua giống gia cầm hoặc một lần tiền mua giống gia súc. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Đối với hộ nghèo ngoài được hưởng các chính sách nêu trên còn được hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần với mức 1,5 triệu đồng/hộ để cải tạo ao nuôi thủy sản có diện tích ao từ 100 m² trở lên;

- Hỗ trợ một lần với mức 02 triệu đồng/hộ để làm chuồng trại chăn nuôi;

- Hỗ trợ một lần cho hộ để mua giống cỏ trồng phát triển chăn nuôi trâu, bò. Mức hỗ trợ là 04 triệu đồng/ha đất trồng cỏ;

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ưu đãi bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo để mua giống gia súc, gia cầm thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Mức vay được hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/hộ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 3 năm.

4. Hỗ trợ tiêm phòng gia súc, gia cầm

Hộ nông dân trực tiếp chăn nuôi được hỗ trợ 100% tiền vắc xin và chi phí bảo quản vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh nguy hiểm: Lở mồm long móng, nhiệt thán, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả, dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm.

5. Hộ nông dân tham gia dự án chuyển đổi cơ cấu sản xuất được tập huấn kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông.

6. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm

Những huyện có hoạt động xúc tiến thương mại được hỗ trợ 200 triệu đồng/năm để thông tin thị trường cho nông dân; xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản của địa phương.

7. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất bình quân 15 tỷ đồng/huyện/năm. Trường hợp nhu cầu cao hơn mức hỗ trợ này thì địa phương chủ động sử dụng ngân sách địa phương, thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn và huy động nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ở Trung ương:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định tại Quyết định này;

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho hộ nghèo vay vốn để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề theo quy định tại Quyết định này;

c) Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Quyết định này.

2. Ở địa phương:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có huyện nghèo căn cứ vào nội dung của Quyết định này để quy định cụ thể một số mức hỗ trợ cho các đối tượng phù hợp với thực tế của địa phương và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Quyết định này.

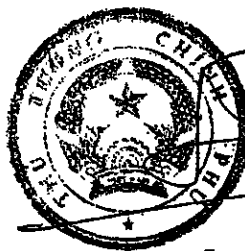
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định nêu tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KGVX, V.I, V.III, PL, TH;
- Lưu: VT, KTN (3b).KN/475

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng